

**HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

*

Số 908 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 4035/KTTH ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ - TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức, Trưởng Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân" gồm 8 chương và 44 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức, Chánh Văn phòng, Trưởng ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân, trưởng các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội, Chủ tịch Hội Nông dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo TW Đề án 61;
- Các đ/c UVBCHTW Hội;
- Các tỉnh, thành Hội;
- Các ban, đơn vị thuộc TW Hội;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu Văn thư.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Cường.

**HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

*

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 908 - QĐ/HNDTW ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam được thành lập trên cơ sở Văn bản số 4035/KTTH ngày 26 tháng 7 năm 1995 và Quyết định số 673/QĐ - TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ Hỗ trợ nông dân chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có con dấu, có bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ Hỗ trợ nông dân có tên giao dịch tiếng Anh là: Supporting Fund for Famers, tên viết tắt là SFF.

4. Trụ sở của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương đặt tại cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ở thủ đô Hà Nội.

Trụ sở của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh và cấp huyện đặt tại trụ sở cơ quan Hội Nông dân cùng cấp.

Điều 2. Mục đích hoạt động

1. Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác

tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao.

2. Tạo điều kiện để Hội Nông dân Việt Nam đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn, phát triển vốn và bù đắp chi phí quản lý.

2. Tự chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ trước pháp luật; tuân thủ các quy định về nghiệp vụ tài chính, tín dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II PHẠM VI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Mục 1. NGUỒN VỐN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ:

- Vốn được cấp từ ngân sách Nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương).
- Vận động cán bộ, hội viên nông dân, cán bộ công nhân viên chức, cán bộ, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng vũ trang, các hộ phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ, cho mượn không lãi hoặc lãi suất thấp.
- Vốn tiếp nhận từ các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức và người nước ngoài giúp đỡ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam.
- Vốn ủy thác của Nhà nước, của các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Vốn tự bổ sung hàng năm.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được huy động vốn và vay vốn dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá hoặc vay vốn của các tổ chức, cá nhân như hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Điều 5. Vận động tạo nguồn vốn

Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp có trách nhiệm đề xuất với cấp ủy, chính quyền cùng cấp và tổ chức các hình thức vận động xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân hàng năm.

Mục 2. CHO VAY VỐN

Điều 6. Quy định cho vay vốn

1. Việc cho vay vốn của Quỹ hỗ trợ nông dân được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả (có kỳ hạn, có hạn mức), không thu lãi nhưng có thu phí.
2. Không sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ.

Điều 7. Đối tượng vay vốn

1. Hộ gia đình hội viên nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Nông dân các cấp;
2. Tổ hợp tác của hội viên nông dân, Hợp tác xã nông nghiệp có ký Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hợp tác với Hội Nông dân về việc hỗ trợ nông dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập;
3. Các đối tượng khác khi có quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Các đối tượng vay vốn quy định tại điều này gọi chung là Người vay.

Điều 8. Lĩnh vực cho vay vốn

1. Sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.
2. Phát triển ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp.
3. Chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối.
4. Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản, diêm nghiệp, ngành nghề và đời sống nông dân.

Điều 9. Điều kiện để được vay vốn

Người vay phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Chủ hộ gia đình hoặc người đại diện là hội viên Hội Nông dân Việt Nam có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi Quỹ cho vay vốn.
2. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
3. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.
4. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.
5. Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi, hiệu quả; được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự của chủ hộ, chủ dự án; được các cấp Hội có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Nguyên tắc cho vay vốn

1. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích nêu trong Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh đã được cấp Hội có thẩm quyền phê duyệt.

2. Người vay phải trả nợ đầy đủ, đúng hạn cả gốc và phí.

Điều 11. Mức phí cho vay

1. Mức phí cho vay cao nhất không quá 80% lãi suất cho vay cùng kỳ hạn, của các ngân hàng thương mại đối với tổ chức, cá nhân phục vụ sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố từng thời kỳ. Mức phí cho vay cụ thể do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam quyết định.

2. Phí quá hạn được tính bằng 130% phí khi cho vay.

Điều 12. Mức cho vay

Mức cho vay tối đa đối với người vay được xác định trên cơ sở nhu cầu và khả năng hoàn trả nợ của từng người vay, khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhưng không vượt quá hạn mức cho vay không phải bảo đảm tài sản được quy định tại chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện hành của nhà nước. Mức cho vay tối đa do Ban Thường vụ Trung ương Hội công bố từng thời kỳ.

Điều 13. Loại cho vay và thời hạn cho vay

1. Loại cho vay:

Quỹ Hỗ trợ nông dân áp dụng 02 loại cho vay:

- a. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn đến 12 tháng.
- b. Cho vay trung hạn là các khoản cho vay có thời hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

2. Thời hạn cho vay được căn cứ vào:

- a. Mục đích sử dụng vốn vay.
- b. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
- c. Khả năng tài chính của người vay.
- d. Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân

Điều 14. Cơ chế đảm bảo tiền vay

Quỹ Hỗ trợ nông dân được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với Người vay được quy định tại Điều 7 Điều lệ này khi được Hội Nông dân xã bảo lãnh bằng tín chấp.

Điều 15. Trả nợ gốc và phí

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và khả năng tài chính của người vay, Quỹ hỗ trợ nông dân và người vay thỏa thuận việc trả nợ và phí tiền vay như sau:

1. Trả gốc:

- a. Trả gốc theo kỳ hạn, tối đa 12 tháng/kỳ.
- b. Trả gốc một lần khi hết thời hạn vay.
- c. Người vay có thể trả gốc trước hạn.

2. Trả phí:

- a. Việc trả phí được thực hiện theo kỳ, tối đa 03 tháng/kỳ.

b. Trường hợp người vay trả gốc trước hạn thì số phí phải trả chỉ tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày trả nợ gốc.

c. Đối với các khoản nợ vay không trả nợ gốc và phí đúng hạn mà không được cho gia hạn thì người vay phải trả phí nợ quá hạn, phí quá hạn được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

Điều 16. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Gia hạn nợ:

Khi đến hạn trả nợ nhưng người vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan, người vay phải làm đơn đề nghị và cam kết việc trả nợ thì có thể được xem xét cho gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn, một nửa chu kỳ đối với cho vay trung hạn và chỉ được gia hạn một lần.

2. Chuyển nợ quá hạn:

Những trường hợp sau phải chuyển nợ quá hạn:

a. Người vay sử dụng vốn sai mục đích đã có quyết định thu hồi nhưng người vay chưa trả nợ.

b. Đến hạn trả nợ nhưng người vay không trả đầy đủ nợ gốc và phí và không được Quỹ xem xét cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư sang nợ quá hạn.

Nguồn vốn thuộc quyền quản lý của cấp nào thì Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp đó quyết định cho gia hạn nợ; chuyển nợ quá hạn.

Điều 17. Quy trình nghiệp vụ cho vay vốn

Quy trình nghiệp vụ cho vay vốn do Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương ban hành và thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống.

Điều 18. Giám sát, kiểm tra người vay sử dụng vốn

Quỹ hỗ trợ nông dân các cấp có trách nhiệm kiểm tra Người vay về việc sử dụng vốn. Chậm nhất sau khi giải ngân 30 ngày thực hiện kiểm tra lần đầu và sau đó định kỳ kiểm tra và kiểm tra đột xuất khi cần. Nếu phát hiện người vay sử dụng vốn không đúng mục đích phải thu hồi vốn trước hạn, tránh rủi ro, thất thoát.

Điều 19. Rủi ro tín dụng và thẩm quyền xử lý rủi ro

Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Việc xử lý rủi ro có quy định riêng.

Mục 3. CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

Điều 20. Thực hiện các dịch vụ chuyển tải vốn, dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ vốn khác.

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp tổ chức thực hiện dịch vụ chuyển tải vốn theo các văn bản thỏa thuận giữa Hội Nông dân Việt Nam với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác giúp nông dân phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định cuộc sống.

2. Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp được phối hợp với các đơn vị chức năng làm dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ nông dân khác nhưng phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp.

Điều 21. Ủy thác cho vay vốn

1. Khi cần thiết Quỹ Hỗ trợ nông dân có thể ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng khác thực hiện việc cho vay hỗ trợ theo Hợp đồng ủy thác.

2. Phí ủy thác Quỹ Hỗ trợ nông dân trả cho các tổ chức nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng ủy thác.

Điều 22. Nhận viện trợ, tài trợ

Quỹ Hỗ trợ nông dân được tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ nông dân, nâng cao năng lực hoạt động Quỹ theo tôn chỉ, mục đích, yêu cầu của nhà tài trợ nhưng không trái với quy định của pháp luật của Việt Nam và quy định tại Điều lệ này.

Chương III TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Mục 1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 23 . Hệ thống tổ chức Quỹ Hỗ trợ nông dân

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân được tổ chức ở 03 cấp trong hệ thống tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam là:

- a. Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, trực thuộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.
- b. Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh, trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh.
- c. Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện, trực thuộc Hội Nông dân cấp huyện.

2. Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp có con dấu riêng; mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước cùng cấp nơi Quỹ đóng trụ sở.

3. Cấp xã không thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân, Hội Nông dân cấp xã chịu trách nhiệm vận động tạo nguồn vốn; trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ vốn, các hoạt động dịch vụ trợ giúp nông dân khác theo sự chỉ đạo của Hội Nông dân cấp trên và theo Hợp đồng đã ký với các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác.

Mục 2. CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ QUỸ.

Điều 24 . Cơ quan chỉ đạo và quản lý

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thống nhất việc chỉ đạo và quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân trong toàn hệ thống Hội.
2. Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo và quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp và cấp dưới trực tiếp.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp.

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam:
 - a. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam; Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Điều lệ này.
 - b. Ban hành quy chế về hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền; kiểm tra việc chỉ đạo xây dựng và quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; kiểm soát công tác điều hành của Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp.
 - c. Quyết định phân bổ vốn; quyết định xóa nợ, khoan nợ đối với nguồn vốn do Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương quản lý.
 - d. Ký kết các văn bản, thỏa ước, hợp đồng nhận vốn do các tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
 - đ. Giúp Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân theo định kỳ.
2. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh và Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện:
 - a. Thực hiện các quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên đối với công tác xây dựng, quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân hàng năm và dài hạn.
 - b. Quyết định phương hướng, kế hoạch vận động tạo nguồn vốn, sử dụng vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp trên địa bàn, đề nghị ủy ban nhân dân các cấp xem xét hỗ trợ vốn từ ngân sách cho Quỹ địa phương hàng năm; Quyết định phân bổ, phê duyệt các dự án cho vay nguồn vốn thuộc quyền quản lý; Phê duyệt kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp hàng năm.
 - c. Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp và cấp dưới.
 - d. Chịu trách nhiệm chỉ đạo việc lập dự án, tổ chức cho vay vốn, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và bảo toàn nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân do Trung ương Hội ủy thác.
 - đ. Quyết định khoan nợ, xóa nợ đối với nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc thẩm quyền quản lý.
 - e. Ký kết các văn bản, thỏa ước, hợp đồng nhận vốn do các tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ cho

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, huyện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

g. Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức kiểm tra, kiểm soát hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp và cấp dưới.

h. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo Hội Nông dân cấp dưới thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân theo định kỳ.

3. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp xã:

a. Xây dựng kế hoạch vận động cán bộ hội viên nông dân, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đóng góp nguồn vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân đạt và vượt chỉ tiêu do Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp giao.

b. Lập các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, tổ chức triển khai khi dự án được phê duyệt để giúp nông dân xây dựng thành công các mô hình phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả; thực hiện và đôn đốc người vay trả nợ (gốc và phí) đầy đủ, đúng hạn.

c. Tổ chức ký kết và thực hiện Hợp đồng trách nhiệm, Hợp đồng ủy thác với Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân, các Ngân hàng và các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn về việc hỗ trợ nông dân tiếp cận tín dụng, tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất tiên tiến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

d. Báo cáo đầy đủ, trung thực kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá các chương trình phối hợp, các hợp đồng đã ký kết với các tổ chức, cá nhân và sự chỉ đạo của Hội Nông dân cấp trên.

Điều 26. Ban Kiểm soát.

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát

a. Ban Kiểm soát Quỹ có tối đa 03 (ba) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát là các cán bộ, chuyên viên am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, hiểu biết pháp luật, không có tiền án, tiền sự và các tội danh có liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật.

b. Ban Thường vụ Hội Nông dân mỗi cấp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và các thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân cùng cấp.

c. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm theo quy định tại Điều lệ này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát các cấp:

a. Kiểm tra việc chấp hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân đối với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Hội, Ban Thường vụ các cấp Hội.

b. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán. Định kỳ sáu tháng, một năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

c. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp.

d. Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát hàng năm trình Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp phê duyệt và báo cáo Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát mỗi cấp được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp.

Mục 3. ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ QUỸ.

Điều 27 . Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành Quỹ

1. Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp nào do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp đó quyết định thành lập và bổ nhiệm các chức danh trên cơ sở tổ chức bộ máy và biên chế được giao. Cơ cấu tổ chức của Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân ở mỗi cấp gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, kế toán trưởng và bộ phận hoặc cán bộ chuyên môn giúp việc.

a. Ban điều hành Quỹ Trung ương:

- Giám đốc, các Phó giám đốc.
- Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ.

b. Ban điều hành Quỹ cấp tỉnh:

- Giám đốc, các Phó giám đốc.
- Cán bộ nghiệp vụ, kế toán, kiểm soát nội bộ, thủ quỹ.

c. Ban điều hành Quỹ cấp huyện:

- Giám đốc, phó giám đốc
- Cán bộ nghiệp vụ, kế toán, thủ quỹ.

2. Cán bộ, nhân viên Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Điều 28. Nhiệm vụ của Ban điều hành Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương giao; huy động vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước với các hình thức ủng hộ, cho mượn không lãi hoặc lãi suất thấp.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn ủy thác (toàn phần hoặc từng phần) từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho các hoạt động xây dựng và nhân rộng các mô hình hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống.

3. Tổ chức thẩm định, tái thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của người vay và thực hiện cho vay, thu nợ theo quy định.

4. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các dịch vụ chuyển tải vốn, dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ hỗ trợ vốn khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp giao.

6. Phối hợp với các đơn vị và cá nhân tổ chức các hoạt động tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ

thuật, công nghệ, tham quan trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước giúp người vay sử dụng vốn đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác quản lý, điều hành Quỹ.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật và của Hội.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 29. Quyền hạn của Ban điều hành Quỹ

1. Tổ chức vận động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo quy định của Nhà nước và Điều lệ này.

2. Được quyền lựa chọn các dự án, phương án để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp quyết định việc hỗ trợ; ủy thác hỗ trợ.

3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một số dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, điều hành Quỹ, khi được Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp đồng ý.

4. Được yêu cầu các đơn vị, cá nhân có dự án, phương án đang được Quỹ xem xét hỗ trợ hoặc đã được hỗ trợ cung cấp các thông tin có liên quan về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng.

5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng vốn và những vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn của Quỹ.

6. Được xem xét cho gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn đối với người vay nguồn vốn thuộc thẩm quyền điều hành theo Điều 16 Điều lệ này.

7. Đình chỉ việc hỗ trợ vốn hoặc thu hồi vốn trước hạn đối với các trường hợp người vay vi phạm cam kết với Quỹ, đồng thời đề nghị chính quyền và các ngành liên quan hỗ trợ để thu hồi vốn hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

8. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào nếu những yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

9. Quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 30. Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tranh tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a. Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân mỗi cấp và cấp trên về công tác xây dựng, quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vốn giúp nông dân.

b. Tổ chức, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và nghị quyết của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên và cùng cấp và các quy định của pháp luật.

c. Xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án huy động vốn; chủ trì lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư, hỗ trợ; lập kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán tài chính trình Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp phê duyệt và tổ chức thực hiện.

d. Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp ban hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ Quỹ theo thẩm quyền.

đ. Bố trí, phân công các Phó giám đốc và cán bộ chuyên môn giúp việc theo thẩm quyền quy định.

e. Được thuê lao động và sử dụng cộng tác viên khi cần thiết; kinh phí thuê lao động và cộng tác viên do cơ quan điều hành chi trả theo dự toán tài chính hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 31. Các mối quan hệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân

1. Mối quan hệ với Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp:

Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp chịu sự lãnh đạo, quản lý của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên và sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp và cấp trên.

2. Mối quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước về tài chính:

Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của cơ quan tài chính cùng cấp và cấp trên.

3. Mối quan hệ giữa Quỹ hỗ trợ nông dân các cấp:

Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân cấp dưới chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ và kiểm tra, kiểm soát của Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân cấp trên.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN.

Điều 32. Chế độ tài chính

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân được tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động trước pháp luật, bảo đảm an toàn vốn và không phải nộp thuế cho Ngân sách nhà nước.

2. Hoạt động thu chi tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân đặt dưới sự chỉ đạo, quản lý của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

3. Quỹ thực hiện thu, chi, hạch toán kế toán và quyết toán thu chi tài chính theo luật Kế toán, chế độ tài chính chung của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

5. Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp, Giám đốc Quỹ các cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước các cấp về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Điều 33. Công tác kế toán, kiểm toán

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân ở mỗi cấp thực hiện hạch toán kế toán độc lập.

2. Chế độ kế toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp được thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Quỹ Hỗ trợ nông dân chấp hành chế độ kiểm toán của Nhà nước. Ngoài ra, Quỹ có thể tự tổ chức kiểm toán hoặc thuê Kiểm toán độc lập.

Điều 34. Lập kế hoạch tài chính

Hàng năm Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch vận động vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu chi tài chính trình Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp phê duyệt.

Điều 35. Báo cáo tài chính và phê duyệt báo cáo tài chính

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội, Ban thường vụ Hội Nông dân, cơ quan tài chính địa phương cùng cấp và Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp trên.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ Hỗ trợ nông dân phải lập báo cáo tài chính, trình Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp phê duyệt và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp và Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp trên trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.

3. Giám đốc và Kế toán Quỹ Hỗ trợ nông dân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan tài chính địa phương và Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp.

Điều 36. Trích lập các quỹ

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân được trích lập quỹ dự phòng rủi ro, quỹ bổ sung nguồn vốn, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ thu nhập của Quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ban Thường vụ Trung ương Hội và cơ quan tài chính các địa phương.

2. Việc sử dụng các quỹ có hướng dẫn riêng.

Chương V

SÁP NHẬP, CHIA TÁCH QUỸ

Điều 37. Sáp nhập, chia tách Quỹ

Khi Nhà nước có các quyết định về sáp nhập các đơn vị hành chính có liên quan đến việc sáp nhập, chia tách tổ chức Hội Nông dân, thì tiến hành sáp nhập hoặc chia tách Quỹ Hỗ trợ nông dân. Việc sáp nhập, chia tách Quỹ Hỗ trợ nông dân có hướng dẫn riêng.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, XỬ LÝ TRANH CHẤP

Điều 38. Khen thưởng

1. Các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được khen thưởng.
2. Việc khen thưởng thực hiện theo Quy định về thi đua khen thưởng hiện hành của Nhà nước và của Hội Nông dân Việt Nam.
3. Tiền thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Điều 39. Xử lý khi có tranh chấp

Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật khi có các tranh chấp liên quan đến hoạt động Quỹ.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Các tổ chức và cá nhân vi phạm những quy định về hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân, tùy mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và quy định của pháp luật.

Chương VII

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 41. Chế độ thông tin

Quỹ Hỗ trợ nông dân được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về chế độ thông tin và bảo mật.

Điều 42. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên Quỹ các cấp và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp có quyền từ chối các yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến người vay, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của người vay.

VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này thay thế Điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2001 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam quyết định./.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Cường.